|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS CẦU KIỆU****TỔ: KHTN-CN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÔNG NGHỆ, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 7 **; Số học sinh:** 306 ; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** **Trình độ đào tạo**: Đại học: 01

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 01

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | -Bóng đèn các loại: đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang, đèn com pact, đèn led.- Máy chiếu(Nếu có) | 06 cái | Bài 11: Đèn điện |  |
| 2 | -Tranh về nồi cơm điện-Nồi cơm điện (Nếu có)- Máy chiếu(Nếu có) | 01 cái | Bài 12: Nồi cơm điện |  |
| 4 | -Tranh về bếp điện-Bếp điện (Nếu có)- Máy chiếu(Nếu có) | 01 cái | Bài 13: Bếp hồng ngoại |  |

 **4. Phòng học bộ , phòng thí nghiêm, phòng đa năng, sân chơi bãi tập đẻ tổ chức dạy học môn học, hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng Thí nghiệm | 1 | Giáo viên và học sinh |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Khung phân bố số tiết cho các nội dung dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kì** | **Các chủ đề lớn** **(phần, chương…, có thể chèn thêm nhiều dòng tuỳ theo nội dung của bộ môn)** | **Lý thuyết** | **Bài tập/****luyện tập/** **Dự án**  | **Thực hành** | **Ôn tập** | **Kiểm tra giữa kì** | **Kiểm tra cuối kì** | **Tổng kết năm học** | **Tổng** |
| Học kì I | Chương I: Nhà ở  | 5 |  |  |  |  |  |  | **5** |
| Chương II: Bảo quản và chế biến thực phẩm | 4 | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 |  | **11** |
| Chương III: Trang phục và thời trang | 2 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Tổng học kì I | 11 | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 |  | **18** |
| Học kì II | Chương III: Trang phục và thời trang | 3 |  |  |  |  |  |  | **3** |
| Chương IV: Đồ dùng điện trong gia đình | 5 | 2 | 3 | 2 | 1 | 1 |  | **14** |
| Tổng học kì II | 8 | 2 | 3 | 2 | 1 | 1 |  | **17** |
| Cả năm |  | **19** | **4** | **4** | **4** | **2** | **2** |  | **35** |

**2. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| **HỌC KÌ I (18 tuần = 18 tiết)** |
| **CHƯƠNG I: NHÀ Ở** |
| 1 | Bài 1: Khái quát về nhà ở | 2 | - Nêu được vai trò của nhà ở.- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở- Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. |
| 2 | Bài 2: Xây dựng nhà ở | 1 | - Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |
| 3 | Bài 3: Ngôi nhà thông minh | 2 | - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |
| **CHƯƠNG II: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM** |
| 4 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | 2 | - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người. |
| 5 | Ôn tập giữa kì | 1 | - Hệ thống lại kiến thức cơ bản về chương I; bài 4 |
| 6 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | - Yêu cầu cần đạt từ bài 1 - bài 4 |
| 7 | Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm | 3 | - Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.-Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.- Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.- Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. |
| 8 | Bài 6: Dự án bữa ăn kết nỗi yêu thương | 2 | -Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. |
| 9 | Ôn tập cuối học kỳ I | 1 | - Hệ thống lại kiến thức cơ bản về chương I và II |
| 10 | Kiểm tra cuối học kỳ I | 1 | -Yêu cầu cần đạt từ bài 1- bài 6 |
| **CHƯƠNG III: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG** |
| 11 | Bài 7: Trang phục trong đời sống | 2 | - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống- Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. |
| **HỌC KÌ II (17 tuần = 17 tiết)** |
| 12 | Bài 8: Sử dụng và bảo quản trang phục | 2 | -Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. |
| 13 | Bài 9: Thời trang | 1 | -Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. |
| 14 | Bài 10: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình | 2 | -Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. |
| 15 | Bài 11: Đèn điện | 2 | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng đèn điện trong gia đình - Sử dụng được đèn điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.- Lựa chọn được đèn điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. |
| 16 | Ôn tập giữa kì II | 1 | - Hệ thống lại kiến thức cơ bản về chương III ; bài 10, bài 11 |
| 17 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | - Yêu cầu cần đạt từ bài 8- bài 11 |
| 18 | Bài 12: Nồi cơm điện | 2 | -Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện trong gia đình - Sử dụng được nồi cơm điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.-Lựa chọn được nồi cơm điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. |
| 19 | Bài 13: Bếp hồng ngoại | 2 | -Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại dùng điện trong gia đình - Sử dụng được bếp hồng ngoại trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.-Lựa chọn được bếp hồng ngoại tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. |
| 20 | Ôn tập cuối kỳ II | 1 | - Hệ thống lại kiến thức cơ bản về chương III và IV |
| 21 | Kiểm tra cuối học kỳ II | 1 | - Yêu cầu cần đạt từ bài 8 - bài 13 |
| 22 | Bài 14: Dự án An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình | 2 | - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình- Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm.  |

**3. Phân phối chương trình chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiết thứ | Bài học(1) | Số tiết(2) | Thời điểm (có thể điều chỉnh khi thực hiện) (3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) | Ghi chú (nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung…) |
| **HỌC KÌ I (18 tiêt)** |
| **CHƯƠNG I: NHÀ Ở** |
| 1 | Bài 1: Khái quát về nhà ở | 1 | Tuần 1 | -Tranh về vai trò và đặc điểm chung của nhà ở - Máy chiếu (Nếu có). | Lớp học |  |
| 2 | Bài 1: Khái quát về nhà ở *Kiểm tra, đánh giá thường xuyên*  | 1 | Tuần 2 | -Tranh về kiến trúc nhà ở Việt Nam - Máy chiếu (Nếu có). | Lớp học |  |
| 3 | Bài 2: Xây dựng nhà ở | 1 | Tuần 3 | -Tranh về xây dựng nhà ởMáy chiếu | Lớp học |  |
| 4 | Bài 3: Ngôi nhà thông minh*Kiểm tra, đánh giá thường xuyên*  | 1 | Tuần 4 | -Tranh về ngôi nhà thông minh-Video về ngôi nhà thông minhMáy chiếu (Nếu có). | Lớp học |  |
| 5 | Bài 3: Ngôi nhà thông minh | 1 | Tuần 5 | -Tranh về ngôi nhà thông minh-Video về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả-Máy chiếu (Nếu có). | Lớp học |  |
| **CHƯƠNG II: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM** |
| 6 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | 1 | Tuần 6 | -Tranh ảnh liên quan đến bài họcMẫu vật một số loại thực phẩm- Máy chiếu (Nếu có). | Lớp học |  |
| 7 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng *Kiểm tra, đánh giá thường xuyên****.*** | 1 | Tuần 7 | Lớp học |  |
| **8** | **Ôn tập giữa kì I** | **1** | **Tuần 8** | **- Tranh liên quan đến bài ôn tập****- Máy chiếu (Nếu có)** | **Lớp học** |  |
| **9** | **Kiểm tra giữa kì I** | **1** | **Tuần 9** | **- Đề và giấy thi** | **Lớp học** |  |
| 10 | Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm | 1 | Tuần 10 | -Tranh về phương pháp bảo quản thực phẩm-Tranh về phương pháp chế biến thực phẩm-Video về vệ sinh an toàn thực phẩm trong gia đình.-Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt (Nếu có).-Bộ dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt (Nếu có). | Lớp học |  |
| 11 | Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm *Kiểm tra, đánh giá thường xuyên .* | 1 | Tuần 11 | Lớp học |  |
| 12 | Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm | 1 | Tuần 12 | Bộ dụng cụ chế biến món ăn không sử dụng nhiệtBộ dụng cụ tỉa hoa trang trí món ăn | Lớp học |  |
| 13 | Bài 6: Dự án bữa ăn kết nối yêu thương | 1 | Tuần 13 | - Tranh liên quan đến bài ôn tập- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 14 | Bài 6: Dự án bữa ăn kết nối yêu thương *Kiểm tra, đánh giá thường xuyên, có cải thiện điểm (nếu có)* | 1 | Tuần 14 | - Tranh liên quan đến bài ôn tập- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học  |  |
| **15** | **Ôn tập cuối kì I** | **1** | **Tuần 15** | **- Tranh liên quan đến bài ôn tập****- Máy chiếu (Nếu có)** | **Lớp học** |  |
| **16** | **Kiểm tra cuối kì I** | **1** | **Tuần 16** | **- Đề và giấy thi** | **Lớp học** |  |
| **CHƯƠNG III: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG** |
| 17 | Bài 7: Trang phục trong đời sống | 1 | Tuần 17 | -Tranh về trang phục và đời sống-Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống.-Hộp mẫu các loại vải (Nếu có)- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 18 | Bài 7: Trang phục trong đời sống  | 1 | Tuần 18 | Lớp học |  |
| **HỌC KÌ II ( 17 tuần =17 tiết)** |
| 19 | Bài 8: Sử dụng trang phục trong đời sống (Tiết 1) | 1 | Tuần 19 | -Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục-Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục-Video giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống.- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 20 | Bài 8: Sử dụng trang phục trong đời sống (Tiết 2)*Kiểm tra, đánh giá thường xuyên .* | 1 | Tuần 20 | Lớp học |  |
| 21 | Bài 9: Thời trang *Kiểm tra, đánh giá thường xuyên.* | 1 | Tuần 21 | Tranh về thời trang trong cuộc sống.- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| **CHƯƠNG IV: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH** |
| 22 | Bài 10: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình (Tiết 1) | 1 | Tuần 22 | -Video về an toàn điện trong gia đình- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 23 | Bài 10: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình (Tiết 2) | 1 | Tuần 23 | Lớp học |  |
| 24 | Bài 11: Đèn điện*Kiểm tra, đánh giá thường xuyên có cải thiện điểm (nếu có)* | 1 | Tuần 24 | -Tranh về đèn điện- Các loại bóng đèn- Máy chiếu (Nếu có)  | Lớp học |  |
| 25 | Bài 11: Đèn điện | 1 | Tuần 25 | Lớp học |  |
| **26** | **Ôn tập giữa kì II** | **1** | **Tuần 26** | **- Tranh liên quan đến bài ôn tập****- Máy chiếu (Nếu có)** | **Lớp học** |  |
| **27** | **Kiểm tra giữa kì II** | **1** | **Tuần 27** | **- Đề và giấy thi** | **Lớp học** |  |
| 28 | Bài 12: Nồi cơm điện | 1 | Tuần 28 | -Tranh về nồi cơm điện | Lớp học |  |
| 29 | Bài 12: Nồi cơm điện | 1 | Tuần 29 | -Nồi cơm điện - Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 30 | Bài 13: Bếp hồng ngoại***Kiểm tra, đánh giá thường xuyên.*** | 1 | Tuần 30 | -Tranh về bếp điện- Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| 31 | Bài 13: Bếp hồng ngoại | 1 | Tuần 31 | -Bếp điện - Máy chiếu (Nếu có) | Lớp học |  |
| **32** | **Ôn tập cuối kì II** | **1** | **Tuần 32** | **- Tranh liên quan đến bài ôn tập****- Máy chiếu (Nếu có)** | **Lớp học** |  |
| **33** | **Kiểm tra đánh giá cuối kì II** | **1** | **Tuần 33** | **- Đề và giấy thi** | **Lớp học** |  |
| 34 | Bài 14: Dự án An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình | 1 | Tuần 34 | Video về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả | Lớp học |  |
| 35 | Bài 14: Dự án An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình  | 1 | Tuần 35 | Lớp học |  |

**4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| Giữa học kỳ I | 45 phút | Tuần 4 tháng 10 năm 2022 | (Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 4)- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.-Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.-Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.-Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người. | Kiểm tra viết |
| Cuối học kỳ I | 45 phút | Tuần 3 tháng 12 năm 2022 | (Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 6)- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam- Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.- Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.-Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.-Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.- Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh- Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. | Kiểm tra viết |
| Giữa học kỳ II | 45 phút | Tuần 3 tháng 3 năm 2023 | (Yêu cầu cần đạt từ bài 7 đến bài 11)-Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng đèn điện trong gia đình - Sử dụng được đèn điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.- Lựa chọn được đèn điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. | Kiểm tra viết |
| Cuối học kỳ II | 45 phút | Tuần 4 tháng 4 năm 2023 | (Yêu cầu cần đạt từ bài 8 đến bài 13)-Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.-Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,…).-Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.- Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. | Kiểm tra viết |

Các mốc thời gian :

- Tuần 1 (từ 05/9 /2022 đến 10/9 /2022): bắt đầu thực hiện chương trình (tiết 1)

 - Tuần thứ 15 (từ 12/12/2022 đến 17/12/2022, tuần ngay trước thi học kì I): hoàn thành xong tiết thứ 15

 - Tuần thứ 18 ( từ 02/01/2023 đến 07/01/2023, tuần kết thúc học kì I): hoàn thành xong tiết thứ 18

- Tuần 32 (từ 10/4 /2023 đến 15/9 /2023): bắt đầu thực hiện chương trình (tiết 1)

 - Tuần thứ 35 (từ 1/5/2023 đến 6/5/2023, tuần ngay trước thi học kì II): hoàn thành xong tiết thứ 35

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

- Bồi dưỡng học sinh thi Khéo tay kỹ thuật cấp Quận và Thành phố..

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 2022***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 **NGUYỄN MINH PHƯƠNG****Phụ lục 1****KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS CẦU KIỆU****TỔ: KHTN-CN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN** **MÔN CÔNG NGHỆ 7 (Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)**(Năm học 2022 - 2023)**I. Đặc điểm tình hình****1. Số lớp:** 5. **Số học sinh:** 220 **; Số học sinh học chuyên đềlựa chọn** (nếu có)**:……………****2. Tình hình đội ngũ: Sốgiáo viên:01**; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:.01.Trên đại học:.............**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[2]](#footnote-2):** Tốt: 01.; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........ **3. Tình hình trang thiết bị, phương tiện dạy học/học liệu*** + 1. ***Thiết bị/phương tiện dạy học*** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn Công nghệ)*

**(*Lưu ý*:** *Thiết bị dạy học cần căn cứ vào “Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Công nghệ” do bộ ban hành, thiết bị dạy học thực tế của nhà trường có và thiết bị/ đồ dùng dạy học do GV tự làm*) ***3.2. Phòng học bộ môn/phòng học đa năng/sân chơi, bãi tập*** *(Trình bày cụ thể các phòng học/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành Công nghệ | 1 | Dạy các bài thực hành môn công nghệ 7 | Phòng thực hành môn: Công nghệ |
| 2 | Phòng công nghệ thông tin | 1 | Ứng dụng CNTT trong dạy học môn công nghệ, có thể khai thác tranh ảnh, clip…liênquan tới môn công nghệ 7 để dạy học sinh. | Phòng này dùng chung cho tất cả các môn. |

**II. Kế hoạch dạy học[[3]](#footnote-3)****1. Phân phối chương trình****MÔN: CÔNG NGHỆ 7****Cả năm 35 tiết/35 tuần****(Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT/****Tuần** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| **Học kỳ I: 1 tiết/ tuần x 18 tuần = 18 tiết** |
| **CHƯƠNG I. TRỒNG TRỌT** |
| 1 | Bài 1. Giới thiệu về trồng trọt *(Dạy phần I, II)* | 2 | - Trình bày được vai trò triển vọng của trồng trọt- Kể tên các nhóm cây trồng ở Việt Nam- Nêu được phương thức trồng trọt phổ biến. |
| 2 | Bài 1. Giới thiệu về trồng trọt *(Dạy phần III, IV, V)* | - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành ghề trong trọt trọt. |
| 3 | Bài 2. Làm đất trồng cây |  1 | - Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng- Trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây. |
| 4 | Bài 3. Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng*(Dạy phần I, II)* | 2 | - Trình bày được ý nghĩa, kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng- Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình. |
| 5 | Bài 3. Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. *(Dạy phần III)* | - Biết cách phòng trừ sâu bệnh.- Biết đảm bảo an toàn trong lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt |
| 6 | Bài 4. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt | 1 | - Trình bày mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt- Nêu được một số biện pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt- Trình bày được kĩ thuật nhân giống cây trồng .- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường- Vận dụng kiến thức thu hoạch vào thực tiễn. |
| 7 | Bài 5. Nhân giống vô tính cây trồng *(Dạy phần I, II)* | 2 | - Trình bày được kĩ thuật nhân giống cây trồng . |
| **8** | **Ôn tập giữa học kì I** |  |
| **9** | **Kiểm tra giữa học kì I** | 1 |  |
| 10 | Bài 5. Nhân giống vô tính cây trồng *(Dạy phần III)* | 1 | - Thực hiện được phương pháp giâm cành- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường |
| 11 | Bài 6. Dự án trồng rau an toàn | 3 | - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí việc cho trồng một loại rau trong khay hoặc thùng xốp, thủy canh |
| 12 | Bài 6. Dự án trồng rau an toàn  | - Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng rau và chăm sóc rau an toàn.- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong và sau quá trình thực hành |
| 13 | Bài 6. Dự án trồng rau an toàn  |  | - Thu hoạch rau đúng thời điểm, nhanh gọn.- Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong và sau quá trình thực hành |
|  **CHƯƠNG II: LÂM NGHIỆP** |
|  13 | Bài 7. Giới thiệu về rừng | 1 | -Trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường và đời sống.- Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nuớc ta. |
| 15 | Bài 8. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng (*Dạy phần I)*  | 2 | - Hiểu được quy trình trồng rừng |
| 16 | Bài 8. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng (*Dạy phần II, III)*  | - Biết được những công việc chăm sóc rừng. |
| **17** | **Ôn tập học kì I** | 1 |  |
| **18** | **Kiểm tra cuối học kì I** | 1 |  |
| **Học kỳ II: 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 17 tiết** |
| **CHƯƠNG III: CHĂN NUÔI** |
| 19 | Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi*(Dạy phần I, II, III)* | 2 | - Trình bày được vai trò, triển vọng của chǎn nuôi.- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến, vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.- Nêu được một số phương thức chǎn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |
| 20 | Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi*(Dạy phần IV, V)* |  | - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghể phổ biến trong chăn nuôi.- Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân về các ngành nghề trong chǎn nuôi.- Có ý thức bảo vệ môi trường chăn nuôi. |
| 21 | Bài 10. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi*(Dạy phần I, II)* | 2 | - Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi- Biết cách nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non |
| 22 | Bài 10. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi(*Dạy phần III, IV*) | - Biết cách chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi đực giống và cái sinh sản. |
| 23 | Bài 11. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi | 1 | - Trình bày được vai trò phòng, trị bệnh cho vật nuôi.- Nuyên nhân gây bệnh cho vật nuôi.- Biết được một số biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi. |
| 24 | Bài 12. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ*(Dạy phần I, II)* | 2 | - Biết được vai trò của chuồng nuôi và một số loại thức ăn cho vật nuôi. |
| 25 | Bài 12. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ*(Dạy phần I, II)* | - Biết cách cách chăm sóc và phòng trị bệnh cho gà |
| 26 | **Ôn tập giữa học kì II** | 1 |  |
| 27 | **Kiểm tra giữa học kì II** | 1 |  |
| 28 | Bài 13. Thực hành: lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình*(Dạy phần I, II)* | 2 | - Lập được kế hoạch tính toán chi phhi1 cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. |
|  29 | Bài 13. Thực hành: lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình*(Dạy phần III)* | - Lập được kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. |
| **CHƯƠNG IV: THỦY SẢN** |
| 30 | Bài 14. Giới thiệu về thủy sản | 1 | - Trình bày được vai trò của thủy sản- Nhận biết được một số loài thủy sản |
| 31 | Bài 15. Nuôi cá ao | 2 | - Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá và chuẩn bi cá giống.- Trình bày được kĩ thuật chǎm sóc, phòng, trị bệnh cá trong ao nuôi. |
| 32 | Bài 15. Nuôi cá ao | - Trình bày được kĩ thuật thu hoạch cá trong ao nuôi.- Đo được nhiệt độ và độ trong của nước ao nuôi. |
| 33 | Bài 16. Thực hành: lập kế hoạch nuôi cá cảnh | 1 | Lập được kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi duỡng và chăm sóc một loai cá cảnh. |
| **34** | **Ôn tập học kì II** | 1 |  |
| **35** | **Kiểm tra cuối học kì II** | 1 |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ****MÔN: CÔNG NGHỆ 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 09 | - Trình bày được vai trò triển vọng của trồng trọt- Kể tên các nhóm cây trồng ở Việt Nam- Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng- Trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây.- Biết cách phòng trừ sâu bệnh.- Trình bày mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt- Nêu được một số biện pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 17 | - Trình bày được vai trò triển vọng của trồng trọt- Kể tên các nhóm cây trồng ở Việt Nam- Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng- Trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật trong làm đất trồng cây.- Biết cách phòng trừ sâu bệnh.- Trình bày mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt- Nêu được một số biện pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghể phổ biến trong chăn nuôi- Trình bày được vai trò phòng, trị bệnh cho vật nuôi.- Nuyên nhân gây bệnh cho vật nuôi.- Biết được một số biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi.- Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi- Biết cách nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | - Trình bày được vai trò của thủy sản- Nhận biết được một số loài thủy sản- Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá và chuẩn bi cá giống.- Trình bày được kĩ thuật chǎm sóc, phòng, trị bệnh cá trong ao nuôi. | Kiểm tra viêt |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.**(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.**(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).**(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **III. Các nội dung khác (nếu có):** **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 2022***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 |  |  |  |

 **NGUYỄN MINH PHƯƠNG**

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỜNG: THCS CẦU KIỆU** **TỔ: KHTN-CN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: CÔNG NGHỆ. KHỐI LỚP 8**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 8** **; Số học sinh:** 200 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: .0 Đại học: 01.; Trên đại học:.............

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[4]](#footnote-4):** Tốt: 01 ; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Khối hình hộp chữ nhật | 1 tờ/GV | Bài 2: Hình chiếu |  |
| 2 | Khối hình hộp chữ nhậtHình lăng trụ đềuHình chóp đều | 1 tờ/GV | Bài 4: Bản vẽ các khối đa diện. |  |
| 3 | Khối hình hộp chữ nhậtKhối hình hộp chữ nhậtHình lăng trụ đềuHình chóp đều | 1 tờ/GV | Bài 3: Bài tập thực hành: Hình chiếu của vật thể.Bài 5: Bài tập thực hành: Đọc bản vẽ các khối đa diện. | Tìm hiểu, Thực hành |
| 4 | Mô hình: Hình trụ, hình nón, hình cầu. | 1 tờ/GV | Bài 6: Bản vẽ các khối tròn xoay. |  |
| 5 | Mô hình: Hình trụ, hình nón, hình cầu. | 1 tờ/GV | Bài 7: Bài tập thực hành: Đọc bản vẽ các khối tròn xoay. | Tìm hiểu, Thực hành |
| 6 | Tranh hình 8.2 SGKMô hình ống lót | 1 tờ/GV | Bài 8: Khái niệm về bản vẽ kỹ thuật – Hình cắt. |  |
| 7 | Tranh hình 9.1 SGKBản vẽ chi tiết | 1 tờ/GV | Bài 9: Bản vẽ chi tiết |  |
| 8 | Tranh hình 11.1 SGKMột số chi tiết có ren: đinh tán, bóng đèn đui xoáy... | 1 tờ/GV | Bài 11: Biểu diễn ren. |  |
| 9 | Tranh hình 9.1 SGKTranh hình 11.1 SGKMột số chi tiết có ren: đinh tán, bóng đèn đui xoáy... | 1 tờ/GV | Bài 10: Bài tập thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt.Bài 12: Bài tập thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có ren. | Tìm hiểu, Thực hành |
| 10 | Tranh hình 13.1 SGKBộ vòng đai kim loai | 1 tờ/GV | Bài 13: Bản vẽ lắp. |  |
| 11 | Tranh hình 15.1; 15.2 SGK | 1 tờ/GV | Bài 15: Bản vẽ nhà. |  |
| 12 | Bộ mẫu vật liệu cơ khí | 1 bộ/GV | Bài 18: Vật liệu cơ khí. |  |
| 13 | Bộ dụng cụ cơ khí. | 1 bộ/GV | Bài 20: Dụng cụ cơ khí |  |
| 14 | Mẫu vật 1 số chi tiết: bu long, đai ốc, đinh vít... | 1 bộ/GV | Bài 24: Khái niệm về chi tiết máy và lắp ghép. |  |
| 15 | Đinh tán, mối ghép đinh tán, mối ghép hàn | 1 bộ/GV | Bài 25: Mối ghép cố định - Mối ghép không tháo được. |  |
| 16 | Bu lông, đai ốc, đinh vít, vít cấy | 1 bộ/GV | Bài 26: Mối ghép tháo được |  |
| 17 | Ghế gấp, ổ bi, moay-ơ | 1 bộ/GV | Bài 27: Mối ghép động. |  |
| 18 | Xe đạp, dây curoa, xích... | 1 bộ/GV | Bài 29: Truyền chuyển động. |  |
| 19 | Tranh mô hình máy khâu.Xe đạp, xích... | 1 bộ/GV | Bài 30: Biến đổi chuyển động. |  |
| 20 | Bô lắp ghép truyền và biến đổi chuyển động. | 1 bộ/GV | Bài 31: Thực hành: Truyền và biến đổi chuyển động. | Tìm hiểu, Thực hành |
| 21 | Tranh sơ đồ các nhà máy điện | 1 bộ/GV | Bài 32: Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống. |  |
| 22 | Tranh SGK.Một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện. | 1 bộ/GV | Bài 33: An toàn điện. |  |
| 23 | Tranh SGK.Một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện. | 1 bộ/GV | Bài 34: Thực hành: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện.Bài 35: Thực hành: Cứu người bị tai nạn điện. | Tìm hiểu, Thực hành |
| 24 | Bộ mậu vật liệu kỹ thuật điện | 1 bộ/GV | Bài 36: Vật liệu kỹ thuật điện. |  |
| 25 | Bóng đèn sợi đốt (đui xoáy, đui gài)Bóng đèn huỳnh quang | 1 bộ/GV | Bài 38: Đồ dùng điện quang: Đèn sợi đốt.Bài 39: Đèn huỳnh quang. |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng Công nghệ  | 1 | Tổ chức dạy học và thực hành môn Công nghệ 8 |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[5]](#footnote-5)**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 | Bài 1: Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong sản xuất và trong đời sống (bổ sung khái niện BVKT bài 8) | 1 | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò của bản vẽ kĩ thuật đối với sản xuất và đời sống.- Trình bày được khái niệm về bản vẽ kĩ thuật |
| 2 | Bài 2: Hình chiếu | 1 | **Nhận biết:**- Trình bày được khái niệm về các hình hiếu, phép chiếu, mặt phẳng chiếu.- Trình bày được vị trí các hình chiếu trên BVKT.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các hình chiếu, phép chiếu.- So sánh đặc điểm của các phép chiếu (Xuyên tâm, song song, vuông góc) |
| 3 | Bài 3: Thực hành: Hình chiếu của vật thể | 1 | **Vận dụng:**- Vẽ được hình chiếu đứng – bằng – cạnh của vật thể đơn giản đúng đường nét. |
| 4 | Bài 4: Bản vẽ các khối đa diện | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các khối đa diện thường gặp.- Trình bày được khái niệm khối đa diện, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đều, hình chóp đều.- Nêu một số ứng dụng của các khối đa diện trong thực tế. |
| 5 | Bài 5: TH Đọc bản vẽ các khối đa diện | 1 | **Thông hiểu:****-** Xác định được hình dạng, kích thước của các khối đa diện.- Mô tả được một số khối đa diện cơ bản.**Vận dụng:****-** Vẽ được hình chiếu đứng – bằng – cạnh của khối đa diện theo đúng đường nét. |
| 6 | Bài 6: Bản vẽ các khối tròn xoay  | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các khối tròn xoay thường gặp.- Trình bày được khái niệm khối tròn xoay, hình trụ, hình nón, hình cầu- Nêu một số ứng dụng của các khối đa diện trong thực tế. |
| 7 | Bài 7: TH Đọc bản vẽ các khối tròn xoay | 1 | **Thông hiểu:****-** Xác định được hình dạng, kích thước của các khối tròn xoay.- Mô tả được một số khối tròn xoay cơ bản.**Vận dụng:****-** Vẽ được hình chiếu đứng – bằng – cạnh của khối tròn xoay theo đúng đường nét. |
| 8 | Bài 8: Khái niệm về Hình cắt .  | 1 | **Nhận biết:**- Trình bày được **khái niệm** của hình cắt. |
| 9 | Bài 9: Bản vẽ chi tiết | 1 | - Trình bày được **khái niệm** về một số loại bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà.|)- **Mô tả** được các chi tiết có ren.- **Nhận biết** được nội dung đọc bản vẽ chi tiết **Thông hiểu:****- Phân biệt** được hình cắt và mặt cắt.- **Phân biệt** được hình cắt cục bộ và hình cắt toàn phần.- **Trình bày** được các quy ước về ren.- **Trình bày** được các bước đọc bản vẽ kĩ thuật (bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà).- **Giải thích** được vì sao phải đọc bản vẽ kĩ thuật đúng theo trình tự.- **Phân biệt** được kích thước chung, kích thước riêng, kích thước từng bộ phận.**Vận dụng:**- **Xác định** được ren trong, ren ngoài, ren bị che khuất.- **Xác định** được vị trí các hình chiếu, mặt chiếu trong bản vẽ kĩ thuật (bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà)- **Xác định** được vị trí từng chi tiết trên bản vẽ lắp.- **Xác định** được vị trí từng bộ phận của ngôi nhà.- **Xác định** được công dụng của từng chi tiết, từng bộ phận trong ngôi nhà. - **Đọc được** một số bản vẽ kĩ thuật theo đúng trình tự (bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà)**Vận dụng cao:****- Vẽ được** hình cắt trên bản vẽ.- **Tìm ra** được quy trình tháo, lắp hợp lí trong bản vẽ lắp. |
| 10 | Bài 10: Đọc bản vẽ có hình cắt | 1 | **- Phân biệt** được hình cắt và mặt cắt.- **Phân biệt** được hình cắt cục bộ và hình cắt toàn phần.- **Trình bày** được các quy ước về ren.- **Trình bày** được các bước đọc bản vẽ kĩ thuật (bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà).- **Giải thích** được vì sao phải đọc bản vẽ kĩ thuật đúng theo trình tự. |
| 11 | Bài 11: Biểu diễn ren  | 1 | - **Trình bày** được các quy ước về ren.- **Xác định** được ren trong, ren ngoài, ren bị che khuất. |
| 12 | Bài 12: TH Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có ren | 1 | - **Phân biệt** được kích thước chung, kích thước riêng, kích thước từng bộ phận.- **Xác định** được vị trí các hình chiếu, mặt chiếu trong bản vẽ kĩ thuật - **Xác định** được vị trí từng chi tiết trên bản vẽ lắp.- **Xác định** được công dụng của từng chi tiết, từng bộ |
| 13 | Bài 13:Bản vẽ lắp  | 1 | - Trình bày được **khái niệm** về một số loại bản vẽ lắp- **Nhận biết** được nội dung đọc bản vẽ lắp- **Liệt kê** được các chi tiết trong bản vẽ lắp- **Xác định** được vị trí các hình chiếu, mặt chiếu trong bản vẽ lắp- **Đọc được** một số bản vẽ kĩ thuật theo đúng trình tự bản vẽ lắp |
| 14 | Bài 15: Bản vẽ nhà  |  | - Trình bày được **khái niệm** về một số loại bản vẽ nhà- **Nhận biết** được nội dung đọc bản vẽ nhà- **Liệt kê** được các chi tiết trong bản vẽ nhà.- **Nhận biết** được một số kí hiệu của ngôi nhà- **Xác định** được công dụng của từng chi tiết, từng bộ phận trong ngôi nhà. - **Đọc được** một số bản vẽ kĩ thuật theo đúng trình tự bản vẽ nhà |
| 15 | **Ôn tập- Tổng kết** | 1 | **Chương vẽ kỹ thuật** |
| 16 | **Kiểm tra giữa kỳ HKI** | 1 |  |
| 17 | Bài 17: Vai trò của cơ khí trong SX & ĐS | 1 | **Nhận biết:** - Vai trò của liệu cơ khí trong sản xuất và đời sống- Các lĩnh vực liên quan đến cơ khí**Vận dụng:**- Nêu ví dụ ở từng lĩnh vực liên quan đến cơ khí |
| 18 | Bài 18: Vật liệu cơ khí | 1 | **Nhận biết:** - Các vật liệu cơ khí phổ biến- Tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí**Thông hiểu:**- Phân lọai vật liệu kim loại và vật liệu phi kim loại |
| 19 | Bài 18: Vật liệu cơ khí (tt) | 1 | **Vận dụng:**- Nêu ví dụ ở từng tính chất của vật liệu cơ khí- Kể tên các sản phẩm, dụng cụ làm bằng chất dẻo và cao su. |
| 20 | Bài 20: Dụng cụ cơ khí (Không dạy Thước cặp) | 1 | **Nhận biết:**- Mô tả được hình dáng, cấu tạo và vật liệu chế tạo các dụng cụ cầm tay đơn giản sử dụng trong ngành cơ khí.**Thông hiểu:**- Công dụng và cách sử dụng một số dụng cụ cơ khí phổ biến**Vận dụng:**- Nêu cách sử dụng dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt.**Vận dụng cao:**- Nêu cách sử dụng êtô trong sản xuất và đời sống.. |
| 21 | Bài 21: Cưa và Dũa kim loại |  | **Nhận biết:**- Mô tả được hình dáng, cấu tạo cưa và dũa.**Thông hiểu:**- Công dụng và cách sử dụng cưa và dũa **Vận dụng:**- Nêu cách sử dụng dụng cụ cưa và dũa .**Vận dụng cao:**- Nêu cách sử dụng cưa và dũa trong sản xuất và đời sống.. |
| 22 | Bài 24: Khái niệm về chi tiết máy và lắp ghép  | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các loại mối ghép- Liệt kê được những ứng dụng của các loại mối ghép**Thông hiểu:**- Mô tả được cấu tạo, đặc điểm của các loại mối ghép- Giải thích được khái niệm chi tiết máy và các loại mối ghép- Phân biệt được các loại chi tiết máy, nhóm chi tiết máy |
| 23 | Bài 25: Mối ghép cố định , Mối ghép không tháo được (không dạy mối ghép Hàn) | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các loại mối ghép- Liệt kê được những ứng dụng của các loại mối ghép**Thông hiểu:**- Mô tả được cấu tạo, đặc điểm của các loại mối ghép |
| 24 | Bài 26: Mối ghép tháo được (Mối ghép bằng then và chốt không dạy) | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các loại mối ghép- Liệt kê được những ứng dụng của các loại mối ghép**Thông hiểu:**- Mô tả được cấu tạo, đặc điểm của các loại mối ghép |
| 25 | Bài 27: Mối ghép động | 1 | **Nhận biết:**- Nhận dạng được các loại mối ghép- Liệt kê được những ứng dụng của các loại mối ghép**Thông hiểu:**- Mô tả được cấu tạo, đặc điểm của các loại mối ghép |
| 26 | Bài 29: Truyền chuyển động (chung chủ đề 29,30,31) | 1 | **Nhận biết:**- Tại sao phải truyền chuyển động.- Nêu tên các máy móc có sử dụng bộ truyền động đai**Thông hiểu:**- Mô tả cấu tạo của bộ truyền động đai.- Trình bày nguyên lý làm việc của bộ truyền động đai.- Tiết tỉ số truyền chuyển động**Vận dụng:**- Nhận xét gì về mối quan hệ giữa đư­ờng kính bánh đai. |
| 27 | Bài 30: Biến đổi chuyển động (chung chủ đề 29,30,31) | 1 | **Nhận biết:**- Kể tên các máy có sử dụng truyền động ăn khớp.**Thông hiểu:**- Trình bày cấu tạo bộ truyền động bánh răng, truyền động xích.- Phân tích chiều quay của bộ truyền động 5 bánh răng ngoại tiếp.- Trình bày nguyên lý làm việc của bộ truyền động ăn khớp |
| 28 | Bài 31: Thực hành Truyền và biến đổi chuyển động (chung chủ đề 29,30,31) | 1 | **Vận dụng:**- Phân tích cơ cấu biến đổi chuyển động quay thành tịnh tiến trong các máy khâu, cửa kéo, radio**.**- So sánh cơ cấu truyền động ăn khớp và truyền động ma sát.- Tính tỉ số truyền của bộ truyền động ăn khớp |
| 29 | Bài 32: Vai trò điện năng trong sản xuất và đời sống  | 1 | **Nhận biết:** - Học sinh nắm được khái niệm về điện năng, trình bày được quá trình sản xuất và truyền tải điện năng**Thông hiểu:**- Nêu ví dụ để làm rõ vai trò của điện năng đối với sản xuất và đời sống.**Vận dụng:****-** Lập sơ đồ tóm tắt quy trình sản xuất điện năng ở các nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió |
| 30 | Bài 33: An toàn điện | 1 | **Nhận biết:*** Nhận ra được các nguyên nhân gây ra tai nạn về điện.
* Kẻ tên một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.
* Kể tên một số biện pháp an khi sử dụng sửa chửa điện.
* Nêu tên các vật liệu và dụng cụ bảo vệ an toàn điện.
* Tìm hiểu bút thử điện: cấu tạo, nguyên lí làm việc và cách sử dụng bút thử điện

**Thông hiểu:*** Trình bày điện năng gắn liền với sản xuất và sinh hoạt của con người, tác động của dòng điện đến cơ thể con người khi bị điện giật.
* Mô tả được viêc chạm và vật mang điện bị tai nạn điện
* Phân tích được quy định về khoảng cách bảo vệ an toàn ở lưới điện cao áp.
* Trình bày được việc đứng ở khu vực dây dẫn có điện đứt rơi xuống đất bị tai nạn điện.
* Giải thích các biện pháp toàn điện khi sử dụng các đồ đùng và thiết bị điện.
* Có ý thức tuân theo quy định ngăt điện khi sử chữa điện; chọn sử sử dụng dụng cụ và các biện pháp cách điện khi sủa chũa điện.
* Giảit thích được công dụng, cấu tạo của các dụng cụ bảo vệ an toàn điện.
* Phân tích được đặc điểm cấu tạo vật liệu để đảm bảo cách điện khi chạm vào các vật mang điện
 |
| 31 | Bài 34: Thực hành: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện | 1 | **Vận dụng:*** Phòng tránh được các tai nạn điện trong đời sống sinh hoạt và sản xuất.
* Xác định cấc quy định về khoảng cách an toàn lưới điện cao áp và trạm biến áp.
* Làm sáng tỏ được các nguyên nhân hư hỏng của mạch điện nhờ bút thử điện.
* Phân tích được các bộ phận của bút thử điện, cách sử dụng bút thử điện trong sửa chữa, kiểm tra, giải thích được nguyên làm việc của bút thử điện
* Tuân theo các quy tắc an toàn điện.
 |
| 32 | Bài 36: Vật liệu kỹ thuật điện | 1 | **Nhận biết:**- Biết được các loại vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện, vật liệu dẫn từ**Thông hiểu:**- Đặc tính, công dụng và phạm vi sử dụng của từng loại vật liệu kĩ thuật điện.**Vận dụng:****-** Liệt kê đặc tính và công dụng của một số đồ dùng điện sử dụng các vật liệu kĩ thuật điện đã học |
| 33 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống hóa kiến thức về phần cơ khí |
| 34 | **Kiểm tra cuối HKI** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| **35** | Bài 38: Đồ dùng điện- Đèn sợi đốt (chung chủ đề 38,39,40) | 1 | **Nhận biết:**- Phân biệt được các loại đèn điện.- Nắm được cấu tạo của đèn sợi đốt.**Thông hiểu:**- Nguyên lý làm việc của đèn sợi đốt.**Vận dụng:****-**Đọc được số liệu kỹ thuật.**Vận dụng cao:****-** Lựa chọn công suất dèn phù hợp để sử dụng cho chiếu sáng |
| 36 | Bài 39: Đèn huỳnh quang (chung chủ đề 3838,39,40) | 1 | **Nhận biết:**- Nắm được cấu tạo đèn huỳnh quang**Thông hiểu:****-** Nguyên lý hoạt động của đèn.- Vẽ lại được sơ đồ mạch điện. |
| 37 | Bài 40: TH đèn ống huỳnh quang (chung chủ đề 38,39,40) | 1 | **Vận dụng:****-** Đọc được số liệu kỹ thuật.**Vận dụng cao:****-** Lựa chọnloại dèn điện phù hợp, tiết kiện điện để sử dụng chiếu sáng trong nhà |
| 38 | HOẠT ĐỘNG KHÁC | Nghỉ tết |  |
| 39 | HOẠT ĐỘNG KHÁC | Nghỉ tết |  |
| 40 | Bài 41: Đồ dùng điện- nhiệt: Bàn là điện - Nồi cơm điện | 1 | **Nhận biết:**- Nêu cấu tạo của đồ dùng điện nhiệt.**Thông hiểu:**- Nêu nguyên lí làm việc của bàn là điện, nồi cơm điện.**Vận dụng:**- Đọc thông số kĩ thuật của bàn là điện, nồi cơm điện. |
| 41 | Bài 44: Đồ dùng loại điện cơ -Quạt Điện (Không dạy máy bơm nước) | 1 | **Nhận biết:**- Nêu cấu tạo của động cơ điện**Thông hiểu:**- Nêu nguyên lí làm việc của quạt điện.**Vận dụng:**- Đọc số liệu kĩ thuật của quạt điện. |
| 42 | Bài 46: Máy biến áp 1 pha | 1 | **Nhận biết:**- Học sinh nêu được tên các bộ phận của máy biến áp 1 pha.- **Thông hiểu:****-** Học sinh có thể so sánh được chức năng các bộ phận trong máy biến áp 1 pha.- Giải thích được chức năng, nhiệm vụ của máy biến áp 1 pha.- Giải thích được cách sử dụng máy biến áp 1 pha.**Vận dụng:****-** Học sinh đọc được các số liệu kĩ thuật của máy biến áp, giải thích được ý nghĩa của các số liệu- Phân tích được cấu tạo lõi thép, dây quấn, lõi thép, vỏ máy biến áp 1 pha. |
| 43 | Bài 48: Sử dụng hợp lý điện năng | 1 | **Nhận biết:**- Khái niệm về giờ cao điểm tiêu thụ điện năng- Nêu được các đặc điểm của giờ cao điểm- Nêu được các biện pháp sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện năng.**Thông hiểu:**- Trình bày được ý nghĩa của việc tiết kiệm điện năng.- Giải thích được việc tiết kiệm điện năng là cần thiết**Vận dụng:****-** Tính toán được điện năng tiêu thụ trong gia đình. |
| 44 | Bài 49: TH Tính toán điện năng tiệu thụ trong gia đình | 1 | **Nhận biết:**- Viết công thức tính điện năng tiêu thụ các đồ dùng điện trong gia đình.**Thông hiểu:**- Giải thích công thức tính điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện trong gia đình và ý nghĩa của công thức đó. (A=Pxt; đơn vị: Wh)**Vận dụng:****-** Xây dựng bảng tổng hợp điện năng tiêu thụ cua các đồ dùng điện trong một tháng.**Vận dụng cao:****-** Tính điện năng tiêu thụ |
| 45 | Ôn tập | 1 | Hệ thống hóa kiến thức về phần điện |
| 46 | **Kiểm tra giữa kỳ HKII** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| 47 | Bài 50: Đặc điểm và cấu tạo mạng điện trong nhà | 1 | **Nhận biết:**- Nhận biết được đặc điểm của mạng điện trong nhà**Thông hiểu:**- Hiểu được cấu tạo chức năng 1 số phần tử của mạng điện trong nhà. |
| 48 | Bài 51: Thiết bị đóng cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà  | 1 | **Nhận biết:**- Biết cách sử dụng các thiết bị đóng cắt và lấy điện**Thông hiểu:**- Hiểu được công dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số thiết bị đóng cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà  |
| 49 | Bài 53: Thiết bị bảo vệ của mạng của mạng điện trong nhà | 1 | **Nhận biết:**- Biết cách sử dụng các thiết bị bảo vệ **Thông hiểu:**- Hiểu được công dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số thiết bị bảo vệ của mạng điện trong nhà |
| 50 | Bài 55: Sơ đồ mạch điện (chung chủ đề 55,56,57,58) | 1 | **Nhận biết:**- Giải thích khái niệm về sơ đồ điện.- Liệt kê kí hiệu quy ước các thiết bị, dụng cụ thường dùng trong mạch điện.**Thông hiểu:**- Giải thích được sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và phân biệt được hai loại sơ đồ trên. |
| 51 | Bài 56: TH vẽ sơ đồ nguyên lý mạch điện (chung chủ đề 55,56,57,58) | 1 | **Nhận biết:**- Nhận biết được kí hiệu các thiết bị và đồ dùng điện trên sơ đồ.**Thông hiểu:**- Phân tích được sơ đồ mạch điện.**Vận dụng:**- Vẽ được sơ đồ nguyên lý của một số mạch điện đơn giản. |
| 52 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống hóa kiến thức về phần điện |
| 53 | **Kiểm tra cuối học kì II** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| 54 | Bài 57: TH vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện (chung chủ đề 55,56,57,58) | 1 | **Thông hiểu:**- Phân tích được mạch điện đơn giản.- Phân tích, giải thích được các bước tiến hành.**Vận dụng:**- Vẽ sơ đồ lắp đặt từ sơ đồ nguyên lý. |
| 55 | Bài 58: Thiết kế mạch điện (chung chủ đề 55,56,57,58) | 1 | **Thông hiểu:**- Giải thích được khái niệm về thiết kế mạch điện. **Vận dụng:**- Thiết kế được mạch điện chiếu sáng đơn giản.**Vận dụng cao:**- Vẽ được sơ đồ lắp đặt từ bản thiết kế. |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần24/10/2022 | **Nhận biết:**- Trình bày được khái niệm về các hình hiếu, phép chiếu, mặt phẳng chiếu.- Trình bày được vị trí các hình chiếu trên BVKT.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các hình chiếu, phép chiếu.- So sánh đặc điểm của các phép chiếu (Xuyên tâm, song song, vuông góc)**Vận dụng:**- Vẽ được hình chiếu đứng – bằng – cạnh của vật thể đơn giản đúng đường nét. | Bài tự luận. |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 26/12/2022 | **Nhận biết:**- Mô tả được hình dáng, cấu tạo và vật liệu chế tạo các dụng cụ cầm tay đơn giản sử dụng trong ngành cơ khí.**Thông hiểu:**- Công dụng và cách sử dụng một số dụng cụ cơ khí phổ biến**Vận dụng:**- Nêu cách sử dụng dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt.**Nhận biết:**- Nhận dạng được các loại mối ghép- Liệt kê được những ứng dụng của các loại mối ghép**Thông hiểu:**- Mô tả được cấu tạo, đặc điểm của các loại mối ghép- Giải thích được khái niệm chi tiết máy và các loại mối ghép- Phân biệt được các loại chi tiết máy, nhóm chi tiết máy | Bài tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 13/03/2023 | **Nhận biết:*** Nhận ra được các nguyên nhân gây ra tai nạn về điện.
* Kẻ tên một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.
* Kể tên một số biện pháp an khi sử dụng sửa chửa điện.
* Nêu tên các vật liệu và dụng cụ bảo vệ an toàn điện.
* Tìm hiểu bút thử điện: cấu tạo, nguyên lí làm việc và cách sử dụng bút thử điện

**Thông hiểu:*** Trình bày điện năng gắn liền với sản xuất và sinh hoạt của con người, tác động của dòng điện đến cơ thể con người khi bị điện giật.
* Mô tả được viêc chạm và vật mang điện bị tai nạn điện
* Phân tích được quy định về khoảng cách bảo vệ an toàn ở lưới điện cao áp.
* Trình bày được việc đứng ở khu vực dây dẫn có điện đứt rơi xuống đất bị tai nạn điện.

**Nhận biết:**- Phân biệt được các loại đèn điện.- Nắm được cấu tạo của đèn sợi đốt.**Thông hiểu:**- Nguyên lý làm việc của đèn sợi đốt.**Vận dụng:****-**Đọc được số liệu kỹ thuật.**Nhận biết:**- Học sinh nêu được tên các bộ phận của máy biến áp 1 pha.**Thông hiểu:****-** Học sinh có thể so sánh được chức năng các bộ phận trong máy biến áp 1 pha.- Giải thích được chức năng, nhiệm vụ của máy biến áp 1 pha.- Giải thích được cách sử dụng máy biến áp 1 pha.**Vận dụng:****-** Học sinh đọc được các số liệu kĩ thuật của máy biến áp, giải thích được ý nghĩa của các số liệu- Phân tích được cấu tạo lõi thép, dây quấn, lõi thép, vỏ máy biến áp 1 pha. | Bài tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 24/04/2023 | **Nhận biết:**- Nhận biết được đặc điểm của mạng điện trong nhà**Thông hiểu:**- Hiểu được cấu tạo chức năng 1 số phần tử của mạng điện trong nhà.**Nhận biết:**- Biết cách sử dụng các thiết bị đóng cắt và lấy điện**Thông hiểu:**- Hiểu được công dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số thiết bị đóng cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà**Nhận biết:**- Viết công thức tính điện năng tiêu thụ các đồ dùng điện trong gia đình.**Thông hiểu:**- Giải thích công thức tính điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện trong gia đình và ý nghĩa của công thức đó. (A=Pxt; đơn vị: Wh)**Vận dụng:****-** Xây dựng bảng tổng hợp điện năng tiêu thụ cua các đồ dùng điện trong một tháng. | Bài tự luận. |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 NGUYỄN MINH PHƯƠNG

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỜNG: THCS CẦU KIỆU** **TỔ: KHTN-CN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: CÔNG NGHỆ. KHỐI LỚP 9**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5 **; Số học sinh:** 170 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: .0 Đại học: 01.; Trên đại học:.............

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[6]](#footnote-6):** Tốt: 01 ; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Tranh ảnh SGK. | 1 tờ/GV | Giới thiệu nghề điện dân dụng |  |
| 2 | Các loại dây dẫn điện | 1 bộ/GV | Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà |  |
| 3 | Ampe kế; Vôn kế; Công tơ điện; Đồng hồ.Bóng đèn | 1 bộ/GV | Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện | Tìm hiểu, Thực hành |
| 4 | Ampe kế; Vôn kế; Công tơ điện; Thước; Bảng phụ, Đồng hồ đo điện | 1 bộ/GV | TH sử dụng đồng hồ đo điện | Tìm hiểu, Thực hành |
| 5 | Dây điện 1 lõi; Dây điện nhiều lõi; Kìm; Tua vít; Giấy ráp; Băng dính cách điện | 1 bộ/GV | TH nối dây dẫn điện | Tìm hiểu, Thực hành |
| 6 | Bảng điện; Dây điện; Công tắc; Cầu chì; Đèn, Phích cắm | 1 bộ/GV | TH lắp mạch điện bảng điện | Tìm hiểu, Thực hành |
| 7 | Bảng điện; Dây diện; Công tắc; Cầu chì; Đèn; Phích cắm.Tua vít. Chấn lưu | 1 bộ/GV | TH lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang | Tìm hiểu, Thực hành |
| 8 | Bảng điện; Công tắc 2 cực; Đèn; Kìm Tua vít; Dây điện | 1 bộ/GV | TH lắp mạch điện 2 công tắc 2 cực đk hai đèn | Tìm hiểu, Thực hành |
| 9 | Bảng điện; Tua vít; Kìm; Dây điện; Công tắc 2 cực; Cầu chì; Phích; Đèn; Đui đèn | 1 bộ/GV | TH lắp mạch điện 2 công tắc ba cực đk một đèn | Tìm hiểu, Thực hành |
| 10 | Bảng điện; Công tắc 3 cực; Dây điện; Cầu chì; Phích cắm | 1 bộ/GV | TH lắp mạch điện 1 công tắc ba cực đk 2 đèn | Tìm hiểu, Thực hành |
| 11 | Bảng phụ; Mạch điện nổi; Mạch điện ngầm | 1 bộ/GV | Lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà | Tìm hiểu, Thực hành |
| 12 | Dây điện; Cầu chì; Công tắc; Ổ điện; Bút thử điện | 1 bộ/GV | Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà | Tìm hiểu, Thực hành |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng Công nghệ  | 1 | Tổ chức dạy học và thực hành môn Công nghệ 9 |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[7]](#footnote-7)**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 | Bài 1: Giới thiệu nghề điện dân dụng | 1 | **Nhận biết:**- Liệt kê được các đối tượng lao động của nghề điện dân dụng- Xác định các yêu cầu của nghề điện dân dụng với người lao động**Thông hiểu:****-** Mô tả nội dung lao động của nghề điện**-** Mô tả các điều kiện làm việc, môi trường làm việc cảu nghề điện dân dụng |
| 2 | Bài 2: Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà | 1 | **Nhận biết:**- Kể tên cấu tạo các phần của dây dẫn điện, dây cáp điện- Kể tên các vật liệu cách điện**Thông hiểu:**- Phân biệt được vật liệu nào là vật liệu cách điện - Mô tả cấu tạo dây dẫn điện- Phân biệt các loại dây dẫn điện, phân biệt giữa dây dẫn điện và dây cáp điện**Vận dụng:** **-** Cần chú ý gì khi **s**ử dụng dây dẫn **-** Làm sáng tỏ ý nghĩa số liệu được ghi trên dây dẫn điện có vỏ bọc |
| 3 | Bài 3: Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà | 1 | **Nhận biết:**- Kể tên một số loại đồng hồ đo diện- Kể tên một số dụng cụ cơ khí- Phân biệt kí hiệu của một số loại đồng hồ đo điện- Nhận biết được đại lượng đo của một số loại đồng hồ đo điện**Thông hiểu:**- Phân biệt được các đại lượng nào là đại lượng đo của đồng hồ đo điện - Biết được công dụng của đồng hồ đo- Biết được công dụng của dụng cụ cơ khí- Giải thích chức năng của mỗi loại kìm điện và tuavít **Vận dụng:**- Làm sáng tỏ cách tính sai số tuyệt đối dựa vào cấp chính xác |
| 4 | Bài 4: TH Sử dụng đồng hồ đo điện | 3 | **Nhận biết:**- Nêu được công dụng của đồng hồ đo điện.- Nêu được công dụng của dụng cụ cơ khí khi lắp đặt mạng điện.- Nhận ra được kí hiệu trên mặt đồng hồ.- Xác định chức năng của từng loại đồng hồ, thang đo.**Thông hiểu:****-** Phân loại được các đồng hồ đo điện. **Vận dụng:** * Sử dụng dụng cụ cơ khí khi lắp đặt mạng điện.
* Thực hiện nối dây công tơ.
* Đo được điện trở bằng đồng hồ đo vạn năng.

Đo được điện năng tiêu thụ của mạng điện. |
| 5 | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| 6 | Bài 5: TH Nối dây dẫn điện | 3 | **Nhận biết:**- Nêu được yêu cầu mối nối.- Kể tên các phương pháp nối dây dẫn điện.- Nêu được quy trình thực hiện một mối nối.**Thông hiểu:****-** Giải thích cơ sở khoa học khi nối dây dẫn điện.- Ứng dụng của các mối nối.**Vận dụng:****-** Thực hiện được mối nối đúng yêu cầu kĩ thuật lắp đặt mạng điện. |
| 7 | Bài 6: TH Lắp mạch điện bảng điện | 3 | **Nhận biết:**- Nêu được quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện.**Thông hiểu:**- Giải thích được chức năng của bảng điện.- Phân biệt các loại bảng điện.**Vận dụng:****-** Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện.- Thực hiện được lắp đặt được mạch điện bảng điện  |
| 8 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống hóa kiến thức cho học sinh |
| 9 | **Kiểm tra học kì I** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| 10 | Bài 7: TH Lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang | 3 | **Nhận biết:**- Nêu số lượng, liệt kê số phần tử có trong mạch điện**Thông hiểu:**- Cho biết chức năng, nhiệm vụ của các phần tử của mạch điện- Giải thích nguyên lý làm việc của mạch điện, liên hệ ứng dụng của mạch điện trong thực tế**Vận dụng:**- Thiết kế (Vẽ) sơ đồ lắp đặt của mạch điện- Hãy làm rõ nội dung công việc của quy trình lắp đặt mạch điện- Hãy lập (xây dựng) bảng dự trù nguyên vật liệu |
|  | **HỌC KỲ II** |  |  |
| 11 | Bài 8: TH Lắp mạch điện 2 công tắc 2 cực điều khiển 2 đèn | 3 | **Nhận biết:**- Kể tên được các thiết bị điện trên mạch điện- Liệt kê được bảng dự trù vật liệu và thiết bị lắp đặt mạch điện**Thông hiểu:****-** Giải thích được nguyên lí hoạt động của mạch điện- Nêu được chức năng của các thiết bị điện**Vận dụng:**- Từ sơ nguyên lý học sinh vẽ được sơ đồ lắp đặt |
| 12 | **Nghỉ tết Âm lịch** | 1 |  |
| 13 | **Nghỉ tết Âm lịch** | 1 |  |
| 14 | Bài 9: TH Lắp mạch điện 2 công tắc 3 cực điều khiển 1 đèn | 3 | **Nhận biết** -Liệt kê được các loại dụng cụ, vật liệu, thiết bị để thực hiện mạch điện 1 cầu chì, hai công tắc 3 cực điều khiển một đèn .-Nhận ra sơ đồ nguyên lý của mạch điện.**Thông hiểu:**-Giải thích được mối liên hệ điện trong mạch điện gồm một cầu chì, hai công tắc 3 cực điều khiển một đèn.-Mô tả nguyên lý làm việc của mạch điện.**Vận dụng:**-Lập được bảng dự trù vật liệu, thiết bị và chọn đúng dụng cụ để sử dụng lắp đặt.-Vẽ được sơ đồ lắp đặt của mạch điện gồm một cầu chì, hai công tắc 3 cực điều khiển một đèn.-Làm rõ quy trình lắp đặt mạch điện. |
| 15 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống hóa kiến thức cho học sinh |
| 16 | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |
| 17 | Bài 10: TH Lắp mạch điện 1 công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn (tt) | 3 | **Nhận biết:**- Nêu số lượng, liệt kê số phần tử có trong mạch điện**Thông hiểu:**- Cho biết chức năng, nhiệm vụ của các phần tử của mạch điện- Giải thích nguyên lý làm việc của mạch điện, liên hệ ứng dụng của mạch điện trong thực tế**Vận dụng:**- Thiết kế (Vẽ) sơ đồ lắp đặt của mạch điện- Hãy làm rõ nội dung công việc của quy trình lắp đặt mạch điện- Hãy lập (xây dựng) bảng dự trù nguyên vật liệu |
| 18 | Bài 11: Lắp đặt dây dẫn điện của mạng diện trong nhà | 1 | **Nhận biết:**- Nêu khái niệm lắp đặt mạng điện kiểu nổi**Thông hiểu:**- Trình bày các phương pháp lắp đặt mạng điện kiểu nổi- So sánh ưu, nhược điểm của mạng điện kiểu nổi**Vận dụng:****-**  Xây dựng hệ thống các yêu cầu kỹ thuật của phương pháp lắp đặt dây dẫn điện kiểu nổi |
| 19 | Bài 12: Kiểm tra an toàn mạch điện trong nhà | 2 | **Nhận biết:**- Kể các thiết bị điện và đồ đồ dùng điện trong gia đình-Nêu được các vấn đề cần kiểm tra**Thông hiểu:****-** Giải thích được lí do tại sao cần kiểm tra các thiết bị điện và đồ đồ dùng điện**Vận dụng:**- Xác định loại dụng cụ dùng để kiểm tra |
| 20 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống hóa kiến thức cho học sinh |
| 21 | **Kiểm tra học kì II** | 1 | Đánh giá kết quả học tập của học sinh |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần24/10/2022 | **Nhận biết:**- Liệt kê được các đối tượng lao động của nghề điện dân dụng- Xác định các yêu cầu của nghề điện dân dụng với người lao động**Thông hiểu:****-** Mô tả nội dung lao động của nghề điện**-** Mô tả các điều kiện làm việc, môi trường làm việc cảu nghề điện dân dụng**Nhận biết:**- Kể tên cấu tạo các phần của dây dẫn điện, dây cáp điện- Kể tên các vật liệu cách điện**Thông hiểu:**- Phân biệt được vật liệu nào là vật liệu cách điện - Mô tả cấu tạo dây dẫn điện- Phân biệt các loại dây dẫn điện, phân biệt giữa dây dẫn điện và dây cáp điện**Vận dụng:** **-** Cần chú ý gì khi **s**ử dụng dây dẫn **-** Làm sáng tỏ ý nghĩa số liệu được ghi trên dây dẫn điện có vỏ bọc | Bài tự luận. |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 26/12/2022 | **Nhận biết:**- Nêu được quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện.**Thông hiểu:**- Giải thích được chức năng của bảng điện.- Phân biệt các loại bảng điện.**Vận dụng:****-** Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện.- Thực hiện được lắp đặt được mạch điện bảng điện **Nhận biết:**- Nêu được yêu cầu mối nối.- Kể tên các phương pháp nối dây dẫn điện.- Nêu được quy trình thực hiện một mối nối.**Thông hiểu:****-** Giải thích cơ sở khoa học khi nối dây dẫn điện.- Ứng dụng của các mối nối.**Vận dụng:****-** Thực hiện được mối nối đúng yêu cầu kĩ thuật lắp đặt mạng điện. | Bài tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 13/03/2023 | **Nhận biết:**- Nêu số lượng, liệt kê số phần tử có trong mạch điện**Thông hiểu:**- Cho biết chức năng, nhiệm vụ của các phần tử của mạch điện- Giải thích nguyên lý làm việc của mạch điện, liên hệ ứng dụng của mạch điện trong thực tế**Vận dụng:**- Thiết kế (Vẽ) sơ đồ lắp đặt của mạch điện- Hãy làm rõ nội dung công việc của quy trình lắp đặt mạch điện- Hãy lập (xây dựng) bảng dự trù nguyên vật liệu | Bài tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 24/04/2023 | **Nhận biết:**- Nêu số lượng, liệt kê số phần tử có trong mạch điện**Thông hiểu:**- Cho biết chức năng, nhiệm vụ của các phần tử của mạch điện- Giải thích nguyên lý làm việc của mạch điện, liên hệ ứng dụng của mạch điện trong thực tế**Vận dụng:**- Thiết kế (Vẽ) sơ đồ lắp đặt của mạch điện- Hãy làm rõ nội dung công việc của quy trình lắp đặt mạch điện- Hãy lập (xây dựng) bảng dự trù nguyên vật liệu | Bài tự luận. |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** | *…., ngày tháng năm 20…***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 NGUYỄN MINH PHƯƠNG

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-7)